

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 33

Phẩm 6: QUÁN THIÊN (Phần 12)

TAM THẬP TAM THIÊN (Phần 9)

Bấy giờ, Thiên chủ Thích-ca Đê-bà bảo các Thiên tử:

–Các Thiên tử này vì sống phóng dật, không hiểu biết như thật, không thực hành chánh pháp, vì họ mà ta thị hiện những sự biến hóa như thế để họ trừ bỏ phóng dật, kiêu mạn. Khi các Thiên tử đó đã nhàm chán, chế ngự tâm ý, ta thuyết giảng chánh pháp thì họ tin nhận được.

Thấy các Thiên tử đã điều phục tâm ý, Thiên đế Thích bảo Thiên chúng:

–Các ông hãy lắng nghe ta sẽ thuyết giảng. Người đàn ông này có sức mạnh, hình dạng thô xấu nhưng hại được người khác, khó ai địch nổi, dù sức chú thuật cũng không điều phục được, tất cả Thiên chúng đều không làm gì được. Dù giỏi hơn chư Thiên cũng không thể ngăn chặn được hưởng gì là các ông –những kẻ yếu kém sắc lực! Người đàn ông ấy chính là sứ giả Diêm-la, là sứ giả lúc chết, dùng nghiệp phiến não trời buộc chúng sinh, dắt đi đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Có tám pháp đủ quyền lực về sự sống chết của chúng sinh:

1. Tất cả sự sống đều đi đến cái chết.
2. Không người khỏe mạnh nào không bị bệnh khổ.
3. Tất cả người trẻ khỏe đều bị già suy.
4. Giàu sang phải nghèo thiếu.
5. Tất cả thế gian đều do nghiệp mà có, tùy thuận theo những nghiệp thiện, bất thiện đã tạo ra mà chịu quả báo.
6. Tất cả sự ân ái đều chia ly, không tồn tại.
7. Những nghiệp đã tạo phải chịu quả báo, không phải người khác làm mình chịu quả, mình làm người khác chịu quả. Tất cả các pháp chắc chắn như vậy.
8. Người phóng dật thì không được an ổn, phải chịu quả khổ. Do các pháp đó, chúng sinh lưu chuyển trong sự sống chết và do duyên sinh. Các pháp ấy không thể dùng sức ngăn chặn được, không có sức chú thuật nào điều phục được. Sứ giả Diêm-la này không ai địch nổi, sự sống chết đều như thế. Dù là chư Thiên, A-tu-la, loài người, Dạ-xoa, Tỳ-xá-già... mà tạo ác gây khổ não thì sứ giả Diêm-la đều hại được, làm cho chúng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Bấy giờ các Thiên chúng thưa Đế Thích:

–Thưa Thiên vương! Chúng tôi không thể tránh khỏi sứ giả Diêm-la đó. Cúi xin Thiên vương dùng sức phương tiện để chúng tôi thoát khỏi sứ giả Diêm-la, chúng tôi sẽ vâng lời dạy của ngài.

Thiên vương Thích-ca Đê-bà bảo chư Thiên:

–Có sức phương tiện lớn, nếu ai tu tập được sẽ không bị sứ giả Diêm-la tổn hại. Do phương tiện gì mà được thoát khỏi?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đó là do đoạn trừ một pháp: Phóng dật và tu tập hai pháp: Chỉ, quán, trừ bỏ ba lỗi tham, sân, si, quan sát bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; biết năm cảnh giới, sáu căn, bảy chánh trí, thực hành tám Thánh đạo tức là biết về chánh kiến..., biết chín cõi chúng sinh, quả báo mười nghiệp, mười một cách tu, mười hai nhập, mười ba niệm tùy thuận hệ niệm, mười bốn pháp thiền để tu tập tâm, mười lăm pháp, mười sáu hành tướng hơi thở, mười bảy hành pháp lưu chuyển tương tục trong cõi trung ấm, mười tám giới, mười chín cõi mà chúng sinh Dục giới ở, hai mươi cõi và biết được hành nghiệp của chúng sinh thì sẽ thoát khỏi. Chư Thiên, loài người... nếu biết được như vậy, sẽ đoạn trừ được ba đường ác, sinh các pháp lành, thực hành pháp thiện. Nếu chư Thiên, loài người... đoạn trừ đường ác thì khi chết không sợ sứ giả Diêm-la. Vì vậy các ông hãy bỏ phóng dật, phóng dật phá trừ tất cả pháp lành giống như kẻ thù. Người sống phóng dật không có niềm vui ở đời và xuất thế. Phóng dật che mờ con người ngu si như súc sinh, chưa ngủ mà như ngủ, chẳng biết việc nên làm hay không nên làm, việc phước đức phi phước đức, chẳng biết bà con hay người xa lạ, ruộng phước hay không phải ruộng phước, điều không nên nói điều nên nói, không biết lợi ích tổn hại, không biết tội lỗi công đức. Đó là điều ác nhất, là cội gốc của sự suy não, không lợi ích. Hãy trừ bỏ phóng dật. Tất cả chư Thiên sống phóng dật làm sao không bị sứ giả Diêm-la trói buộc. Khi ấy Đế Thích nói kệ:

*Nếu trời, người phóng dật
Thích làm việc phi pháp
Đến khi sắp mạng chung
Thấy sứ giả Diêm-la.
Phóng dật như chất độc
Người trí đã lánh xa
Nên đến lúc qua đời
Không bị các khổ não.
Phóng dật chết chịu khổ
Không phóng dật vui nhất
Những ai muốn được vui
Hãy trừ bỏ phóng dật.*

Các Thiên tử! Đoạn một pháp là đoạn trừ phóng dật nhưng phóng dật có sáu cách:

1. Mắt thấy sắc sinh tâm phóng dật, không thấy như thật. Thấy sắc đẹp, xấu, vàng, đen, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn tất cả người đời không biết như thật là do phóng dật. Vì ý phóng dật nên không biết được pháp xuất thế. Tuy thấy sắc nhưng không biết như thật. Đối với sắc thân không quan sát như thật. Không thích quán chiếu pháp bốn đế. Các sắc không thật lại thấy là thật. Vì tâm phóng dật nên không quán chiếu các pháp thế gian, xuất thế gian.

2. Tai nghe tiếng không biết được thật nghĩa, không biết được tiếng ca, lời nói có thật nghĩa hay không của thế gian. Nghe những pháp như Tu đa-la, Già-đa, Kỳ-dạ, Tỳ-già-na, Ưu-đa-na, Ni-đa-na, Tỳ-đa-ca, Xà-đa-ca, Tỳ-phật-lược, A-phù-đa-đạt-ma (*mười phần giáo*) mà không hiểu thật nghĩa. Vì phóng dật nên khi qua đời bị sứ giả Diêm-la trói buộc dắt đi.

3. Vì phóng dật nên khi nghe hương thơm thì tham đắm, không biết được hương của hoa hay trái, không biết được hương của thế gian nên đốt để cúng dường.

4. Lại vì phóng dật nên không biết được sự khác biệt của các vị đã nếm như ngọt,

chua, mặn, cay, đắng, nhạt, rít, trơn. Vì phóng dật nên không biết được thức ăn thế gian, xuất thế gian.

5. Cũng vì phóng dật nên không biết được sự xúc chạm của thân, thân không làm việc sửa nhà, làm lành. Trong nhà không có đủ tài vật, chẳng biết được việc không nên làm của thế gian, xuất thế gian, không gần gũi thăm hỏi, cung kính, lễ bái các bậc kỳ túc.

6. Các Thiên tử! Lại vì phóng dật nên không biết được các pháp thiện, bất thiện vô ký của tâm, không biết được lúc chết bị đánh đập, chịu khổ não lớn, bị sứ giả Diêm-la tự do bắt đi.

Vì vậy các Thiên tử! Hãy trừ bỏ phóng dật, tu tập hai pháp chỉ, quán. Hai pháp này chỉ rõ đạo Niết-bàn. Chỉ: Đoạn trừ các pháp đã sinh và chưa sinh để được tịch tĩnh. Quán: Thấy được tâm pháp của thân. Hai pháp này là bạn lành trừ được ba lỗi. Đối với kẻ tham dục thì dạy pháp quán bất tịnh, đối với kẻ sân hận thì dạy pháp quán Từ bi, đối với kẻ ngu si thì dạy pháp trí tuệ. Ba pháp này đối trị ba pháp kia để không còn phóng dật và khi lâm chung không sợ sứ giả Diêm-la.

Thế nào là bốn Thánh đế? Bốn Thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ đế có hai: Khổ của thân, khổ của tâm; Tập đế: Ám, giới, nhập; Diệt đế: Tịch diệt; Đạo đế: Tám Chánh đạo. Năm cảnh giới: Sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sáu căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Khéo thấu giữ chúng khi chúng tiếp xúc với cảnh giới. Bảy pháp là bảy phần giác, giống như thành phần của thân, khu vực của thành phố, bộ phận của tập thể, vì vậy gọi là Bồ-đề phần. Bảy phần: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, ý, định, xả. Niệm giác phần có những tướng gì? Niệm về tội lỗi của pháp hữu vi, niệm về thật đế, Niết-bàn. Trạch pháp giác phần có những tướng gì? Dùng trí giản trạch. Thế nào là giản trạch (*lựa chọn*)? Dùng pháp tướng như thật chọn lựa pháp này, suy nghĩ nghĩa của nó liên tục không ngừng. Đã suy nghĩ thì siêng năng tu tập, đó là tinh tấn giác phần. Suy nghĩ rồi mong muốn, nghĩ về thật nghĩa như vậy mà vui vẻ, đó là hỷ giác phần. Suy nghĩ thật nghĩa rồi điều phục pháp của thân tâm, nhẹ nhàng, an vui, tu tập ổn định, đó là ý giác phần. Suy nghĩ thật nghĩa rồi trụ tâm, thấu giữ, điều phục tâm, đó là định giác phần. Bỏ tâm định về những niệm khác là xả giác phần. Các pháp dù là quả, trí, đoạn phiền não đều sai khác, kết quả khác nhau, dần dần tăng lên, đều do duyên từng pháp sinh ra nhưng công dụng lại khác nhau.

Các Thiên tử! Đó là bảy Giác phần, nếu ai nghĩ nhớ được thì đoạn trừ phóng dật.

Các Thiên tử! Tám Thánh đạo là gì mà có thể đoạn trừ phóng dật, lo sợ ở vị lai, để cầu sự an lạc và đạo Niết-bàn? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Thế nào là chánh kiến? Biết đúng tương ứng sự thật. Thế nào là chánh tư duy? Biết như thật về tự tướng, bình đẳng tướng của pháp như thật, nghĩ đến nhân quả của nó. Thế nào là chánh ngữ? Suy nghĩ về bốn nghiệp của miệng, giữ gìn giới cấm. Thế nào là chánh nghiệp? Trừ bỏ ba nghiệp bất thiện của thân, giữ gìn giới cấm. Thế nào là chánh mạng? Cho dù mất mạng vẫn giữ giới cấm. Thế nào là chánh tinh tấn? Suy nghĩ về thật nghĩa rồi siêng năng tu tập? Thế nào là chánh niệm? Suy xét, nhớ kỹ thật nghĩa của pháp đó. Thế nào là chánh định? Dùng tâm niệm như thật chuyên chú ghi nhớ tướng của các pháp. Đó là tám con đường của Hiền thánh, nếu thường nghĩ nhớ thì không sợ sứ giả Diêm-la.

Lại nữa, hãy quan sát chín cõi của chúng sinh. Các Thiên tử! Hãy quan sát về mười đại địa pháp:

1. Thọ.
2. Tưởng.
3. Tư.
4. Xúc.
5. Tác ý.
6. Dục.
7. Giải thoát.
8. Niệm.
9. Tam-muội.
10. Tuệ.

Các pháp này đều từ tâm sinh nhưng hình tướng khác nhau. Các ông nên biết chúng có những tướng gì? Các pháp ấy nối tiếp sinh ra giống như ánh sáng mặt trời. Từ tâm sinh ra nhưng có các tướng tăng giảm khác nhau. Thế nào là tưởng? Biết sự tương ứng sai khác. Thế nào là tư? Ý duyên ba pháp thiện, bất thiện, vô ký. Lại có ba loại thân tư, khẩu tư, ý tư. Nó dựa vào tư nhưng không thấy tướng mạo. Thế nào là xúc? Do ba thứ hòa hợp sinh ra. Từ xúc có ba thọ.

Thiên tử nên biết! Ba xúc sinh ra ba thọ gì? Đó là khổ, lạc, xả thọ. Thế nào là tác ý? Nắm bắt tướng các pháp. Thế nào là dục? Nghĩ nhớ những điều đã làm. Thế nào là giải thoát? Có khả năng quyết định. Cũng gọi là tín. Vì có tín nên cũng gọi là lực, có khả năng giữ gìn. Thế nào là niệm? Tâm không mê loạn với những cảnh giới đã duyên. Thế nào là Tam-muội? Tâm duyên một cảnh. Thế nào là tuệ? Phân biệt quan sát các pháp.

Các Thiên tử! Lại có mười đại địa phiền não, nếu ai thực hành theo thì khi chết sẽ bị sứ giả Diêm-la trời buộc. Mười pháp đó là:

1. Bất tín.
2. Biếng nhác.
3. Thất niệm.
4. Tán loạn.
5. Ngu si.
6. Bất thiện quán.
7. Tà kiến.
8. Bất điều phục.
9. Vô minh.
10. Phóng dật.

Đó là mười pháp đại địa phiền não do nhiễm ô sinh ra, là nguyên nhân bị sứ giả Diêm-la trời buộc. Các Thiên tử! Mười đại địa bất thiện mà ta nói là gì? Thế nào là bất tín? Không tin pháp giải thoát. Thế nào là biếng nhác? Không siêng năng. Thế nào là thất niệm? Không nhớ giáo pháp. Thế nào là tán loạn? Tâm ý không chân chánh. Thế nào là ngu si? Tâm không phương tiện. Thế nào là bất thiện quán? Quan sát sai, suy nghĩ trái pháp, không theo chánh đạo, những thứ bất tịnh lại cho là tịnh. Thế nào là tà kiến? Chấp chặt pháp sai lầm mà không bỏ. Thế nào là bất điều phục? Không tịch tĩnh. Thế nào là vô minh? Không hiểu về ba cõi. Thế nào là phóng dật? Không làm lành. Mười pháp phiền não lớn này rất xấu ác.

Này các Thiên tử! Lại có mười nhiễm địa pháp: Sân, hận, bất hối, kiên, huyễn, dua nịnh, tật đố, keo kiệt, kiêu mạn, đại mạn. Vì sao gọi là nhiễm địa pháp? Vì nó thuộc

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đại địa pháp nên gọi là nhiệm địa pháp. Thế nào là sân? Tâm ác. Thế nào là hận? Tâm bị ràng buộc thành oán kết. Thế nào là bất hối? Thích làm ác, làm xong lại vui. Thế nào là kiên? Làm ác và chấp thủ. Thế nào là huyền? Đối gạt mọi người, chính là hoặc nghiệp của mười hai nhập. Các Thiên tử! Thế nào là mười hai nhập? Gồm có nội nhập: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ngoại nhập: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hai loại khác biệt nhau.

1. Tướng.

2. Tự thể của các đại.

Do bốn đại duyên sinh ra nhãn thức, đó là mắt. Các ông nên biết, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi phân biệt cảnh giới chúng đều có tự tướng. Làm sao biết được tự thể của nó? Tự thể: Không điên đảo, do năm duyên sinh ra nhãn thức. Do có mắt, sắc, ánh sáng, khoảng trống, ý niệm nên có nhãn thức. Tai thì không như vậy, dù trong chỗ tối tăm nhãn thức vẫn phân biệt, không cần ánh sáng. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Đối với ý thức thì ánh sáng có lúc có tác dụng nhưng có lúc không có tác dụng. Thế nào là có tác dụng? Khi nhãn thức phân biệt sắc thì ý thức hiểu rõ nên có tác dụng. Khi nào không có tác dụng? Nhãn thức quan sát sắc nhưng nếu không có ánh sáng thì không thấy. Còn những căn khác khi nhận biết thì không cần ánh sáng, đó là thức đại. Các Thiên tử! Lại có bốn đại duyên dựa lẫn nhau. Thế nào là bốn đại duyên dựa lẫn nhau? Hoặc tăng hoặc giảm, như mắt tăng hỏa đại, mũi tăng địa đại, thân tăng phong đại, lưỡi tăng thủy đại, tai tăng không đại. Tai mà có nhiều khoảng trống thì ý nghe được tiếng, thế nên chúng ta biết phải có tăng giảm. Tiếp tục quan sát về nhập. Thế nào là duyên gần duyên xa? Ba căn mũi, lưỡi, thân phải tiếp xúc mới biết, sự hiểu biết của mắt thì không gần không xa, tai nghe tiếng mà xa quá thì không rõ, gần thì nghe rõ, nghe cả tiếng nói của lòng mình, mũi ngửi hương gần mới biết, ngửi cả mùi của người mình nhưng khi mũi bệnh thì nghe mùi hôi, như tiếng gió trong tai cũng tự nghe được. Như vậy phải gồm có nhãn thức... ý thức câu hữu, thức khác cũng thế. Ví như một ngọn lửa, do nhiên liệu mà gọi tên hoặc lửa củi hoặc lửa rơm. Các thức cũng vậy do ý thức mà có sai khác.

Này các Thiên tử! Đã biết các nhập rồi, đừng sống phóng dật. Không sống phóng dật thì không tham, sân, si. Người thiện như vậy khi chết không sợ sự giả Diêm-la trời buộc, không thấy những tướng ghê gớm của lính ngục, không thấy cảnh giới xấu của Diêm-la vương, không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, luôn được an lạc, cho đến đạt được Niết-bàn, thành tựu vô lượng sự an vui đều do không phóng dật.

Lại nữa, này các Thiên tử! Quan sát mười hai nhập là vô thường, khổ, không, vô ngã. Nó do duyên sinh. Quan sát như vậy thì bỏ phóng dật. Quan sát những gì sinh ra nhãn thức đều là pháp huyền, trống rỗng, không có sở hữu, không chắc thật, là pháp bị hủy hoại. Quan sát nhãn thức rồi, lại quan sát về những gì sinh ra nhãn thức cũng trống rỗng, không có sở hữu, không chắc thật, bị hư hoại. Như vậy quan sát sáu nội nhập và sáu ngoại nhập dù sinh hay diệt, giành giật vị ngọt của ái, suy biến vô thường, do duyên sinh. Thấy biết như thật rồi không tham sắc, dù thấy sắc đẹp cũng không tham. Người không phóng dật thì dù là diệu lạc cõi trời cũng không tham, hưởng gì là dục lạc của thế gian?

Bấy giờ Đế Thích nói kệ:

Không hiểu biết giới, nhập

Trở ngại đạo Niết-bàn

Chính vì phóng dật này

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Mất tất cả pháp lành.
Có ba tội lỗi lớn
Là sứ giả đường ác
Si là ác bậc nhất
Phóng dật nên luân hồi.
Ngu si sống phóng dật
Nằm trong tay thần chết
Ai thích sống phóng dật
Phá hoại hết tất cả.
Ai vượt qua một pháp
Suy nghĩ về hai pháp
Biết rõ tướng ba cõi
Người bày được an lạc.
Phước đức trời đã hết
Do phóng dật phá hoại
Vì si nên đọa lạc
Không ai cứu giúp được.
Có một pháp thù thắng
Ai nhẫn nhục tu hành
Luôn luôn sống nhẫn nhục
Từ bi với chúng sinh.
Phóng dật có sức lớn
Lúc chết rất lo sợ
Vì thế bỏ phóng dật
Tinh tấn tu các hạnh.
Hãy trừ bỏ vô minh
Và giữ gìn trí sáng
Nhờ biết mình, vô mình
Phóng dật không hại được.
Người nào bỏ phóng dật
Nhất định được lợi lớn
Người không sống phóng dật
Tự làm lợi cho mình.
Lười phóng dật trời buộc
Siêng tu sẽ thoát được
Tướng trời, mở như thế
Nay ta nói tổng quát.
Các Thiên tử đã biết
Nếu ai sống phóng dật
Thì đến lúc lâm chung
Sẽ biết quả báo đó.

Thiên đế Thích đã nói rõ tướng mười hai nhập để điều phục chư Thiên phóng dật. Thiên tử nào đã từng trồng căn lành, ít sống phóng dật thì nghe pháp này tự tâm giác ngộ, không sống phóng dật nữa, các căn thuần thực và thực hành chánh pháp. Các Thiên tử chưa thuần thực thì ví như phá vỡ ung nhọt chưa có mủ, dù nặn xong, rửa sạch

vẫn không lành.

Lại nữa, Thiên vương Đế Thích đã bắt đầu từ một pháp dần dần nói đến mười hai nhập và tướng của mười hai nhập, đã hiện sức thần thông và những việc hy hữu cho đại chúng cõi trời làm cho họ tuần tự hiểu được, buộc tâm chánh niệm, hiểu tướng nhân duyên, bỏ phóng dật, được lợi ích, thấy sự biến hóa này mà chán ngán dục vọng. Bấy giờ Thiên đế Thích lại dùng phương tiện lợi ích nói rõ diệu pháp cho chư Thiên:

–Này các Thiên tử! Thế nào là dua nịnh? Tâm không ngay thật, chìm đắm trong sinh tử. Thế nào là ganh ghét? Giận ghét người khác. Thế nào là keo kiệt? Sợ tài lợi của mình hết nên tham tiếc. Đó là nhiễm địa pháp của ba cõi, nếu phân biệt thì: Sân, hận, keo kiệt, ganh ghét, huyễn thuộc về Dục giới. Dua nịnh thuộc Dục giới và Phạm thiên. Kiêu mạn, đại mạn ba cõi đều có. Các Thiên tử! Đó là mười đại địa pháp bất thiện. Còn có mười đại địa pháp thiện: Không tham, không si, hổ, thẹn, tín, điều phục, không phóng dật, tinh tấn, xa lìa, không tổn não. Mười pháp này có hình tướng khác nhau. Không tham là nguồn gốc của pháp lành, ví như cột nhà. Căn lành không si cũng vậy. Hổ là tự giữ mình ngay thật. Thẹn là xấu hổ với người. Tín là tâm ý thanh tịnh đối với các pháp. Điều phục là hoàn toàn điều phục thân tâm nhu thuận, bỏ pháp ác, sống theo pháp lành. Không phóng dật là siêng tu các pháp lành. Xả là tâm ý xả bỏ những nhân duyên về việc làm, không làm. Không tổn não là không hại chúng sinh. Nếu ai luôn nghĩ về mười pháp này thì khi chết sẽ không lo sợ, chẳng sợ sứ giả Diêm-la trói buộc. Vì sao? Vì tu thì được pháp lành hộ trì. Đã nói chung về tự tướng các pháp tâm, tâm sở, pháp đại địa thiện, pháp đại địa nhiễm, đó là mười pháp.

Lại nữa, này các Thiên tử! Thế nào là tu mười một pháp? Tỳ-kheo quan sát thân mình, tự biết thân nên không tham ái, không mê mờ, tâm không tham đắm, đó là bước tu thứ nhất.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo không chê bai, không tham đắm, nghĩ nhớ những dục mà mình đã thọ hưởng thì chán ngán, đó là bước tu thứ hai.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo không phóng dật, không tham đắm cảnh giới, chấm dứt các kết sử, đó là tu hạnh không phóng dật thứ ba.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo nghĩ nhớ, thực hành pháp thiện. Các pháp thiện đó sinh ra quả vui từ nhân vui, duyên vui đưa đến quả vui ta nên thọ hưởng, đoạn trừ pháp bất thiện, đó là bước tu thứ tư.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tu hành lực gì, duyên gì, nhân gì mà có được lạc thọ? Lạc thọ đã sinh không bị ngăn ngại. Quan sát đúng về thọ thì nó không chắc thật, là trống rỗng, không sở hữu, đó là bước tu thứ năm.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo tu hành các hạnh. Các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, vô sở hữu, do nhiều nhân duyên sinh, không phải do một sức lực sinh. Tu tập như thế nên tâm không yêu thích, đó là bước tu thứ sáu.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo nghĩ rằng: Ta có niệm thiện, niệm thiện này sinh thì niệm khác mất. Những niệm bất thiện sinh diệt đã phá trừ ngăn ngại pháp thiện của ta. Niệm như vậy là bước tu thứ bảy.

Lại nữa, này các Thiên tử! Tỳ-kheo tu tướng pháp hành thứ tám, tướng bình đẳng, trụ về pháp tự tướng, không điên đảo, bản tánh của các pháp không nhớ. Tỳ-kheo lại quan sát: Ta đã sinh thì phải chết. Các pháp hữu vi đều có ba tướng. Tu tập như vậy hiểu các pháp đều vô thường, đó là bước tu thứ tám.

Lại nữa, này các Thiên tử! Bước tu thứ chín là gì? Có ba cách đối trị căn bản phiền

não tham, sân, si. Đối với người tham dục, giáo hóa họ tu quán bất tịnh. Đối với người sân hận giáo hóa họ tu quán Từ bi. Đối với người ngu si, giáo hóa họ tu quán nhân duyên. Đó là cách đối trị, tâm phải suy nghĩ tu tập như vậy.

Lại nữa, này các Thiên tử! Bước tu thứ mười là gì? Niệm công đức của Phật đã đem lại an lạc cho thế gian nên tự tu tập tạo lợi ích bản thân.

Lại nữa, này các Thiên tử! Bước tu thứ mười một là gì? Tuần tự học hỏi pháp vô thường, luôn thay đổi, từ lúc vào thai sinh diệt không ngừng, đến lúc là đứa trẻ, thanh niên, người già. Tỳ-kheo tu tập như thế thì lúc chết không sợ sớ giả Diêm-la nắm bắt, không thấy những tướng xấu đáng sợ.

Lại nữa, này các Thiên tử! Mười ba pháp buộc niệm tu thiện, lợi ích an lạc đạt được Niết-bàn là gì? Niệm bất phóng dật, sinh, trụ, diệt, không tán loạn. Nghĩ như thế thì khi thấy sắc đẹp xấu, thấy người nữ thì quán bên trong thân là nơi chứa bất tịnh máu mủ, đại tiểu tiện, niệm như vậy thì tâm không tán loạn. Khi vào thành ấp, xóm làng khát thực, cảnh giới màu sắc, những nơi không nên đến. Nếu không buộc niệm thì tham sắc dục, vì thế phải buộc tâm, không tán loạn. Đó là bước buộc tâm thứ nhất.

Bước buộc tâm thứ hai: Tư duy quan sát cảnh giới bên ngoài, vườn rừng đáng yêu, ao sen, dòng sông những nơi vui chơi đẹp. Đã thấy, nên nghĩ rằng: Vì tâm ngu si nên tham đắm những nơi vui chơi đáng yêu này. Nó sẽ hư hoại, lá cây héo vàng, không xanh tươi, rơi rụng, dáng như khô chết, ít bóng mát. Các pháp hữu vi đều vô thường, trống rỗng, không có sở hữu, có pháp nào đáng yêu. Như vậy là buộc tâm ý. Buộc niệm rồi tâm không tham đắm cảnh giới trong ngoài, ma không nhiễu loạn được.

Bước buộc tâm thứ ba: Lợi ích an lạc, buộc niệm như thế nào? Duyên về những pháp gì? Khi ăn ngủ mà thấy sắc đẹp tâm không phân biệt, tâm không lệ thuộc niệm, nghĩ như vậy: Kẻ phàm phu ngu si các căn tham đắm, không biết chán.

Bước buộc tâm thứ tư: Bất cứ ở nơi nào nếu được vật cứng dường như y phục, giường nệm, đồ nằm, thuốc men thì không thích thú. Vì sao? Vì vật cứng dường như dao bén cắt đến da thịt, gân, cốt, tủy. Cũng vậy do lợi dưỡng mà hủy hoại pháp lành.

Bước buộc tâm thứ năm: Nếu vào thành ấp, xóm làng thì không được ở lại. Nếu có người đến chỗ ở thì không nên nói nhiều, không thích nói nhiều. Vì sao? Vì đi vào thành ấp, xóm làng thì tâm tán loạn không lợi mình. Quan sát như thật về sự buộc tâm như thế.

Bước buộc tâm thứ sáu: Thấy người đi qua tàng cây, nghĩa địa, bụi rậm, khe núi hoặc dừng ở nhà trống thì không nên tham đắm, gần gũi họ. Có như vậy thì pháp lành tăng trưởng, được lợi ích xa lánh mọi người.

Bước buộc tâm thứ bảy: Khi nghe nói về quả báo cõi trời tâm không thích, còn nhàm chán, thích nghe về quả báo khổ đau của địa ngục. Tỳ-kheo này nghe cõi trời không vui, nghe khổ của địa ngục không sợ, luôn suy nghĩ: Cõi trời bị thoái đọa, bị sớ giả Diêm-la bắt đi. Ta không nên gây nghiệp địa ngục nữa, không tùy hỷ, thấy ai làm khuyên họ bỏ đi, không buồn vui, luôn nhớ pháp lành.

Bước buộc tâm thứ tám: Pháp sinh niệm thiện, bỏ pháp bất thiện, bỏ những niệm khác, phát sinh pháp lành, niệm pháp lành, biết niệm bất thiện làm tổn hại niệm thiện. Ta đã đoạn trừ niệm bất thiện không duyên dựa. Suy nghĩ tuần tự như vậy, buộc niệm điều phục tâm, người này có khả năng làm cho những tâm oán giận: tới lui, lên xuống, hung dữ xoay chuyển đều trụ vào một cảnh giới.

Bước buộc tâm thứ chín: Niệm công đức Phật, niệm Pháp cao thượng, niệm Tăng chánh tín, học theo bậc Minh sư, tu hành chân chánh đầy đủ, tạo lợi ích cho chúng sinh,

luôn nghĩ đến sự độ thoát, buộc niệm như vật đạt quả chân thật, cho đến quả Niết-bàn.

Bước buộc tâm thứ mười: Tu tập chân chánh nếu gặp phải bốn thứ sợ hãi: Già, yếu, bệnh, chết, hoặc sợ về giặc chết thì không thích nghĩ nhớ, thấy bốn pháp có lưu chuyển vô thường thì cuộc sống an ổn trẻ khỏe sung sức. Nếu lo sợ thì tu tập về vô thường tưởng, không ham năm dục, không bị tâm yêu ghét sai khiến, luôn sống chánh niệm, phá được núi lớn phiền não.

Bước buộc tâm thứ mười một: Không phân biệt người siêng năng kẻ biếng nhác, nếu phân biệt thì tự thương tổn. Không làm buồn người khác, tâm ý thanh tịnh, buộc tâm điều phục, không tổn hại chúng sinh.

Bước buộc tâm thứ mười hai: Luôn nghe chánh pháp, nghe rồi tu tập mãi không quên, biết được pháp thiện, bất thiện. Người này như đèn sáng lớn giữa bóng tối. Hiểu rõ pháp thiện bất thiện trong Phật pháp. Buộc tâm niệm như vậy thì không bị tâm yêu ghét ma chướng sai khiến.

Bước buộc tâm thứ mười ba: Niệm về sự cảm thọ của thân tâm, biết được tự tướng, chánh tâm buộc niệm, không sống phóng dật. Không sống phóng dật thì không bị sứ giả Diêm-la tự do bắt đi. Vì đủ năng lực nên không mất chánh niệm, làm việc đúng thời, không đến những chỗ xấu ác, sai quấy, luôn buộc tâm.

Lại nữa, các Thiên tử! Có mười bốn pháp để khéo tu tập tâm ý, điều phục tâm ý thanh tịnh, trừ bỏ phóng dật. Mười bốn pháp đó là:

1. Biết đủ.
2. Siêng năng.
3. Tịch tĩnh.
4. Gần gũi thầy giỏi.
5. Xa lánh bạn ác.
6. Tu tập pháp Phật.
7. Khéo quán xét tu tập.
8. Bỏ kiêu mạn.
9. Tin nhân quả pháp và phi pháp.
10. Nghĩ về điều mong muốn tốt.
11. Không ngắm nữ sắc.
12. Không gần gũi bà con.
13. Bất cứ nơi nào luôn sống chân chánh.
14. Lo sợ sinh tử.

Đó là mười bốn pháp khéo tu tập tâm, nhờ đó mà điều phục được tâm, khi chết không sợ đường ác, lính ngục Diêm-la, không mở cửa đường ác, không đoạn chánh pháp, không bị sứ giả Diêm-la mặc sức trói buộc dắt đi, không tạo nghiệp ác. Người có đầy đủ pháp lành là người khéo buộc tâm, tu tập nghiệp lành, đưa chúng sinh đến cõi trời, người, mở cửa Niết-bàn, sau đạt được Niết-bàn. Vì thế các Thiên tử! Các ông hãy khéo điều phục tâm. Khi tâm đã điều phục thì ngay cả sứ giả Diêm-la còn không thấy hướng gì bị bắt đi.

Khi ấy, Đấng Thích nói về sự lo sợ của đường ác và sứ giả Diêm-la cho các Thiên chúng. Ta đã nói cho các ông về mười bốn pháp, giờ ta sẽ nói về mười lăm pháp. Như những gì xưa kia ta đã nghe Phật nói, giờ đây ta sẽ nói.

Mười lăm pháp đó là gì? Người xuất gia làm Sa-môn mà hủy phá giới luật, dạy người khác hủy phá, thân mặc ca-sa làm cho người tham đắm ca-sa, yêu thích trang sức

bằng ca-sa, tiếng nói thô ác như tiếng lừa, đi đứng thông thả, uy nghi yếu điệu vì tâm ái dục nên lo trang sức thân mình, không tinh tấn, thích ngắm người nữ, tự kiêu tự đại, tâm ý thô tháo, buông tâm phóng dật. Thế nên phải biết y phục mà mình mặc chỉ để ngăn lạnh nóng, để che thân, không nên tham đắm, không bị tham ái phóng dật đối gạt, khi chết không sinh tâm hối hận. Đó là pháp thứ nhất.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ hai mà Sa-môn nên biết là gì? Phải biết đủ, biết người xuất gia tu hành những giới gì, hoặc tu về trí tuệ. Đã tự biết mình thì sẽ biết thọ dụng vừa đủ những thứ thuốc men, đồ nằm mà tín thí cúng dường, nhận đúng khả năng, đúng pháp, thọ dụng như vậy sẽ không ngăn ngại pháp Sa-môn.

Này các Thiên tử! Pháp thứ ba mà các Sa-môn nên biết là gì? Không tham đắm đồ nằm, nếu vì y phục, cơm áo mà bỏ nơi thanh tịnh đi về thành ấp, xóm làng, những nơi không có công đức thì trở ngại sự tu tập pháp lành, mất tâm tri túc. Tri túc và không phóng dật là pháp thù thắng nhất trong các pháp của Sa-môn. Người tham đắm, không biết đủ thì bị tham tâm đối gạt, gây hại pháp lành, kẻ ấy chẳng khác nào chó đại tự ăn những đồ mình mửa ra.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ tư mà Sa-môn nên biết là gì? Không nên nói đọc nhiều kinh điển vì sợ thí chủ cúng dường nhiều y phục, cơm áo, đồ nằm, thuốc men, sợ khó tiêu hóa, gây hại pháp xuất gia, không phải việc mình làm, tự biết đủ. Còn có pháp biết đủ nữa. Tỳ-kheo ít muốn biết đủ, không phóng dật trong những trường hợp nào? Sa-môn hoặc được tặng sai, hoặc vì người bệnh mà đến nhà thí chủ xin tài vật. Khi đến nhà thí chủ mà uống một ít nước là trở ngại pháp lành, luống nhọc việc làm, giả dối khổ nhọc không có phước đức. Vì sao? Vì tham mùi vị đến nhà thí chủ làm cho họ xem thường. Tỳ-kheo này không tạo lợi ích cho mình, người bệnh và chúng Tăng. Đó là nguyên nhân khinh mạn thứ nhất. Nghĩa là đến nhà Đàn-việt tham cầu thức ăn, thô tháo, nói năng không đúng. Ba pháp này là điều khinh rẻ của thế gian và xuất thế gian. Cho nên phải biết đủ. Không sống phóng dật để trừ bỏ pháp này.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ năm mà Sa-môn nên biết là gì? Vì ít muốn, biết đủ, sống bằng khát thực, thọ trì pháp xuất gia, chỉ nhận một bữa, không ăn đêm. Nếu ăn đêm thì sinh tâm tham đắm, không thích ngồi thiền tụng kinh. Tham thức ăn là sợ sau này không có được. Như vậy chỉ tham một chút đã trở ngại pháp lành của Sa-môn, huống gì Tỳ-kheo tham của cúng dường nhiều! Nếu làm như vậy sẽ bị lưới ái trói buộc.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ sáu mà Sa-môn nên biết là gì? Sa-môn thuộc dòng quý tộc xuất gia ít muốn biết đủ, đã xuất gia thì không được nói: “Ta là người thuộc dòng quý tộc xuất gia”. Không nói cho đệ tử xuất gia, hay thọ pháp nghe, vì sợ thí chủ cúng dường nhiều y phục, cơm áo, thuốc men. Nếu nhận thì ngăn ngại pháp lành, còn không nhận thì tổn thương tấm lòng của đệ tử, làm cho họ giận và trở ngại pháp lành của họ, không lợi ích cho đời sau. Người này thọ dụng vừa đủ, không tham ái, tâm không tán loạn, chánh niệm đối với chánh pháp, thích ở trong rừng tu học thiền quán. Tuân tự quan sát thân, tâm, thọ, pháp. Tỳ-kheo này sẽ vượt địa ngục hữu vi là vì sống ít ham muốn biết đủ.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ bảy mà Sa-môn nên biết là gì? Ít muốn, biết đủ, lo sợ lợi phẩm lớn, bỏ lợi dưỡng, biết những pháp gì? Tỳ-kheo nào có nhiều bạn, thích nhiều việc, nhiều đệ tử, nhiều vật cúng dường, thích được mời dự tiệc, thường gặp người thân. Những người tu hành không nên gần gũi đi chung với Tỳ-kheo này. Vì sao không được đi chung? Vì sợ phóng dật, Tỳ-kheo thích vật dụng này ai cũng biết vì họ cùng ở

chung đi chung. Người này còn được gọi là kẻ tham lam không chán, đó là vì vật cúng dường. Người nào kính trọng kẻ này, cả hai đều bị chướng ngại. Nếu Tỳ-kheo nhiều chuyện ham lợi dưỡng của người khác thì người tu hạnh này không nhận tài vật ấy, làm cho Tỳ-kheo nhiều chuyện sân giận cho rằng Tỳ-kheo này dối trá không thật, gạt cả thí chủ ở xóm làng, Tỳ-kheo này trong lòng như ướm tham lam. Vì vậy làm cho những người thấy được tự thương tổn. Thế nên Tỳ-kheo ít muốn biết đủ không nên ở chung đi chung với Tỳ-kheo nhiều chuyện vì như thế sẽ sinh ra tội lỗi.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ tám mà Sa-môn nên biết là gì? Thấy Tỳ-kheo ít muốn, lo sợ sinh tử, xa lánh lợi dưỡng, luôn buộc tâm. Thế nào là biết pháp? Những nghề nghiệp đã làm lúc ở nhà thì khi xuất gia không được nói, tức là không nói về những kỹ thuật như nghề thuốc, thợ, kiếm. Vì sao? Vì sợ thí chủ biết mình có tài mà đến cúng dường làm trở ngại pháp Sa-môn, hoặc thích học tập những kỹ thuật thế tục đó mà hủy hoại pháp lành, giám đi việc tự lợi, lợi tha, không lợi ích, điều phục đệ tử nên không được nói về những kỹ thuật.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ chín mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo ít muốn là người trí tuệ tránh xa lợi dưỡng. Nhìn thấy trong chùa, tháp, trong thành ấp xóm làng hoặc gần xóm làng, trong khuôn viên cửa xóm làng, gần khuôn viên xóm làng có chùa, trong chùa có nhiều Tỳ-kheo phá giới, tham nhiều không chán, chứa nhiều thức ăn uống, ăn đồ bất tịnh, uống rượu, phóng dật. Vì nuôi sống mà buôn bán những vật bất tịnh, bán ra mua vào, gần kẻ thế tục, xem họ là bạn, không thích ở chùa, thích ở nhà thí chủ. Tỳ-kheo ít muốn này không nên ở chung với Tỳ-kheo tham dục. Những ai muốn tịch tĩnh tâm ý, cắt đứt ràng buộc của ma chướng thì không nên ở những nơi như vậy. Vì sao? Vì sợ những người trong thành ấp, xóm làng biết những Tỳ-kheo đó phá giới làm ác, xem mình là người giữ giới nhất nên cúng dường nhiều vật dụng. Nếu nhận những vật đó thì không còn là người biết đủ, nếu không nhận thì người ta giận tức, bất mãn. Vì sao? Vì đem vật cúng cho một người, không cúng cho nhiều người. Biết tội lỗi ấy rồi, Tỳ-kheo ít muốn không được ở chung với Tỳ-kheo bất tịnh.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo ít muốn đạt được thần thông của thế tục, có thể biến hiện ra những tướng lạ nhưng không được rao nói. Vì sao? Vì sợ người cho rằng mình là A-la-hán mà cúng dường nhiều vật dụng làm trở ngại pháp Sa-môn, hoặc làm mất thần thông hại pháp ít muốn.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười một mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo mang xá-lợi Phật đi từ thành ấp, xóm làng này đến thành ấp, xóm làng kia, dùng thần lực chân thật biến hiện cho mọi người thấy xá-lợi này là ruộng phước lớn, hãy tổ chức cúng dường. Tỳ-kheo ít hiểu biết khen ngợi Tỳ-kheo ít muốn là người học rộng hiểu nhiều, có thể diễn nói chánh pháp cho mọi người. Nghe thế thí chủ kính trọng xá-lợi và Tỳ-kheo học rộng, cúng dường nhiều vật dụng. Nếu nhận sẽ không là pháp ít muốn. Tỳ-kheo ít muốn không được đi chung với Tỳ-kheo du hành này. Vì sao? Vì thí chủ thấy Tỳ-kheo này không giữ giới cấm, cho rằng người ít muốn cũng phá giới cấm, vì vậy không nên đi, đứng, ngồi, nằm chung với kẻ phá giới là sợ lính ngục, sứ giả Diêm-la trói buộc và sợ phóng dật.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười hai mà Sa-môn nên biết là gì? Thọ trì pháp khát thực, tu hạnh đầu đà, đến những nơi không quen biết để khát thực thì không sống phóng dật, không tham đắm vị ngon.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười ba mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo biết

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đủ mặc y phấn tảo, nhận y đủ dùng, bảo quản y cũ rách, biết đủ khi dùng tài vật.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười bốn mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo biết đủ phá dẹp các loại ma chướng.

Lại nữa, các Thiên tử! Pháp thứ mười năm mà Sa-môn nên biết là gì? Tỳ-kheo ít muốn đi lại một mình không bạn bè, tránh xa bạn ác, xô phá ngọn núi phiền não kiên cố từ vô thỉ. Vị này đạt được niềm vui lớn. Khi chết không bị sứ giả Diêm-la trói buộc, không thấy những tướng xấu đáng sợ, tâm không lo sợ.

Bấy giờ Thiên chủ Thích-ca nói kệ:

*Người xuất gia phải hành
Pháp ít muốn biết đủ
Người giữ giới như vậy
Sẽ gần đạo Niết-bàn.
Làm việc không mong cầu
Chỉ cầu đạo Niết-bàn
Không bị ma trói buộc
Không đến cảnh giới ma.
Người nào luôn tu tập
Không sinh tâm mong cầu
Siêng năng mà tu tập
Thì không có khổ đau.
Nghĩ vậy hãy lo sợ
Suy xét ngay hiện tại
Thì biết được vị lai
Sẽ thoát dây phiền não.
Luôn thích không phóng dật
Sợ những pháp bất tín
Tu trí tuệ thanh tịnh
Sẽ gần đạo Niết-bàn.
Chư Thiên hưởng diệu lạc
Vẫn còn sống phóng dật
Hướng chi kẻ ngu si
Bị phóng dật sai khiến.
Người nào sống phóng dật
Chính là kẻ đã chết
Ai không sống phóng dật
Là người có trí tuệ.
Siêng năng sẽ trừ được
Tâm phóng dật biếng nhác
Phóng dật gốc khổ đau
Xa như tránh thần chết.*

Vì các Thiên tử, Thiên vương Thích-ca hóa hiện sứ giả Diêm-la khứng bố chư Thiên và đã thuyết pháp cho họ. Biết các Thiên tử đã tin hiểu, yêu thích chánh pháp, thấy sứ giả Diêm-la mà dần dần từ bỏ dục vọng. Thấy rồi, họ đến chỗ Thiên vương Thích-ca, cả những Thiên chúng lo sợ trốn trong vườn cây cùng đi đến chỗ Đế Thích. Biết tâm chư Thiên dần dần thanh tịnh, Đế Thích dần dần thâm biến hóa lại.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

